BÁO CÁO RÀ SOÁT ĐẦU TƯ VÀ CHI TIÊU CÔNG CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (CPEIR) – GIAI ĐOẠN 2010-2020 – BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Giới thiệu chung

Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

Thực hiện Nghị quyết số 08 / NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 về Chương trình hành động của Chính phủ xây dựng quy hoạch tổng thể, kịp thời hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, Bộ KH&CN đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, địa phương phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm:

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới.
- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng.
- Nghiên cứu khoa học và công nghệ bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.
- Nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ quản lý biển, đảo và phát triển kinh tế biển.
- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Nghiên cứu những vấn đề quan trọng của khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.
- Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị.

Chi ngân sách cho biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020:

Về chi đầu tư: Hàng năm, Bộ KH&CN trực tiếp quản lý hơn 10 - 15 dự án, năm 2016 nhiều nhất là 21 dự án, trong đó có các dự án liên quan đến biến đổi khí hậu như: Dự án Mem / Nems và đầu tư xây dựng công trình cao -Khu phát triển thực nghiệm công nghệ (gần 160 tỷ đồng); Đầu tư xây dựng Trung tâm Sâm Ngọc Linh (gần 72 tỷ đồng); Xây dựng trạm thực nghiệm và ươm tạo công nghệ (30 tỷ đồng).

Về chi thường xuyên: Hằng năm, Bộ KH&CN trực tiếp quản lý 10-15 đề tài, năm nhất là năm 2019 với 97 đề tài, nhiệm vụ. Các chủ đề, nhiệm vụ liên quan đến biến đổi khí hậu lên tới 100 tỷ đồng cho cả giai đoạn 2016-2020 như:

Nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ chọn tạo giống ngô lai cho năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu với điều kiện bất thuận (phi sinh, sinh học) thích ứng với biến đổi khí hậu;

Nâng cao năng lực nghiên cứu, hoàn thiện quy trình nhân giống một số cây thuốc quý hiếm, có giá trị kinh tế cao ở quy mô công nghiệp để bảo tồn, khai thác và phát triển bền vững;

Nghiên cứu phát triển nguồn gen lúa thích ứng với biến đổi khí hậu;

Quan trắc, phân tích mưa axit miền Bắc và nước mặt, trầm tích thượng nguồn sông Hồng, sông Lô năm 2014;

Nghiên cứu đặc điểm hình thái vùng vịnh và đề xuất các giải pháp tái tạo, nâng cấp bãi biển Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa có xét đến tác động của biến đổi khí hậu ...

2. Tổng ngân sách dành cho biến đổi khí hậu

a) Tổng nguồn ngân sách giai đoạn 2016-2020

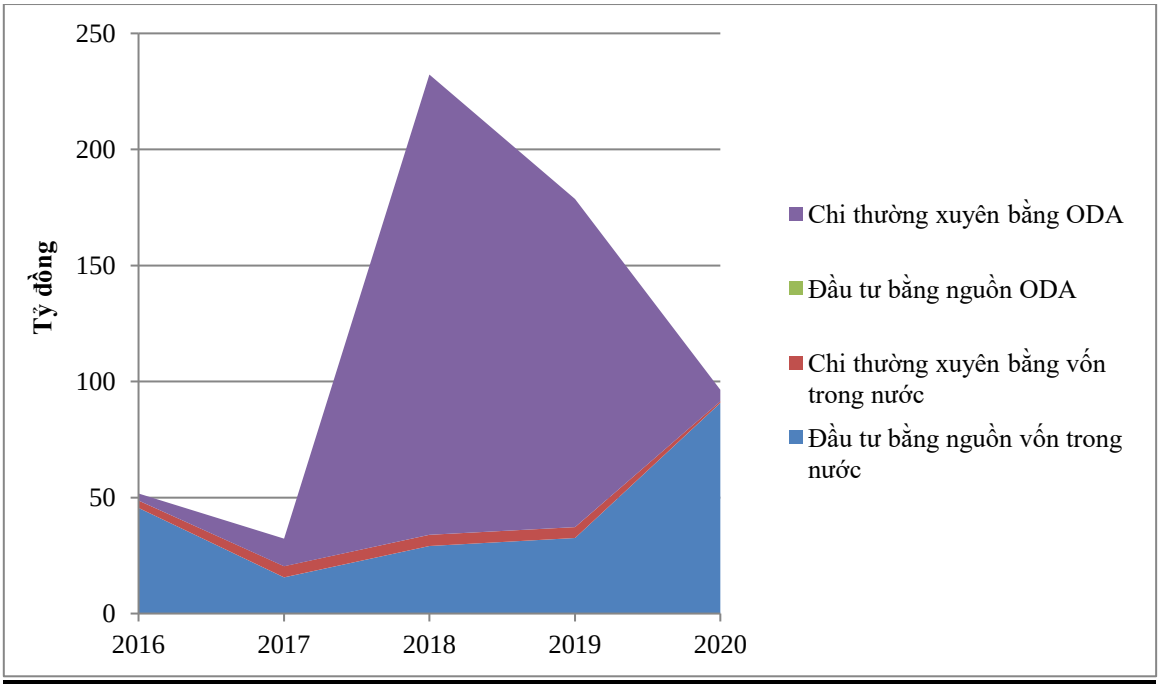

Hình 1: Tổng chi ngân sách cho BĐKH của Bộ KH&CN - bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên; từ các nguồn trong nước và ODA (theo giá cố định của năm 2020)

- Chi đầu tư cho biến đổi khí hậu bình quân khoảng 42,7 tỷ đồng / năm và chi thường xuyên khoảng 7,4 tỷ đồng / năm. Ngân sách đầu tư cho khí hậu cao nhất vào năm 2020 (90,8 tỷ đồng), thấp nhất vào năm 2017 (15,6 tỷ đồng). Ngân sách chi thường xuyên cho khí hậu lớn hơn đầu tư, trong đó ngân sách lớn nhất vào năm 2018 (203 tỷ đồng) và thấp nhất vào năm 2020 (5,6 tỷ đồng).
- Chi đầu tư trong cả thời kỳ chỉ bằng ngân sách trong nước, không sử dụng vốn ODA. Chi trong nước đầu tư cho BĐKH bình quân hàng năm là 42,7 tỷ đồng. Ngân sách trong nước về khí hậu chiếm từ 11 - 49% tổng ngân sách đầu tư, trung bình là 21% cho cả giai đoạn nghiên cứu.
- Chi thường xuyên trong nước cho BĐKH bình quân hàng năm là 3,6 tỷ đồng, chiếm 5% tổng chi thường xuyên và ODA đóng góp là 72 tỷ đồng, chiếm 95%. Tỷ trọng ODA thường xuyên thay đổi qua các năm, thấp nhất là 48% vào năm 2016 nhưng là 97% vào năm 2018 và 2019. Ngân sách thường xuyên khí hậu chiếm từ 13 - 55% tổng ngân sách thường xuyên, bình quân là 32% cho cả giai đoạn nghiên cứu.

Bảng 1. Tổng chi ngân sách cho BĐKH của Bộ Khoa học và Công nghệ (tính theo giá năm 2020)

Đơn vị: Tỉ đồng

	Đầu tư bằng nguồn vốn trong nước	Đầu tư bằng nguồn ODA	Chi thường xuyên bằng vốn trong nước	Chi thường xuyên bằng ODA
2016	45.553	0	3.188	2.925
2017	15.608	0	4.752	11.865
2018	29.133	0	4.803	198.314
2019	32.596	0	4.639	141.450
2020	90.757	0	0.762	4.875

	Đầu tư bằng nguồn vốn trong nước	Đầu tư bằng nguồn ODA	Tổng đầu tư cho BĐKH	Tổng chi đầu tư của Bộ	% Đầu tư cho BĐKH /Tổng ngân sách của Bộ
2016	45.553	0	45.553	289.500	15.74
2017	15.608	0	15.608	95.130	16.41
2018	29.133	0	29.133	223.000	13.06

2019	32.596	0	32.596	284.325	11.46
2020	90.757	0	90.757	183.749	49.39

	Chi thường xuyên bằng vốn trong nước	Chi thường xuyên bằng ODA	Tổng chi thường xuyên	Tổng chi thường xuyên của Bộ	% Chi thường xuyên cho BĐKH/ Tổng ngân sách của Bộ
2016	3.188	2.925	6.113	44.898	13.62
2017	4.752	11.865	16.617	130.542	12.73
2018	4.803	198.314	203.117	508.571	39.94
2019	4.639	141.45	146.089	381.459	38.30
2020	0.762	4.875	5.637	10.205	55.24

b) ***Tổng chi ngân sách cho BĐKH trong tổng chi ngân sách của Bộ, giai đoạn 2010 – 2020.***

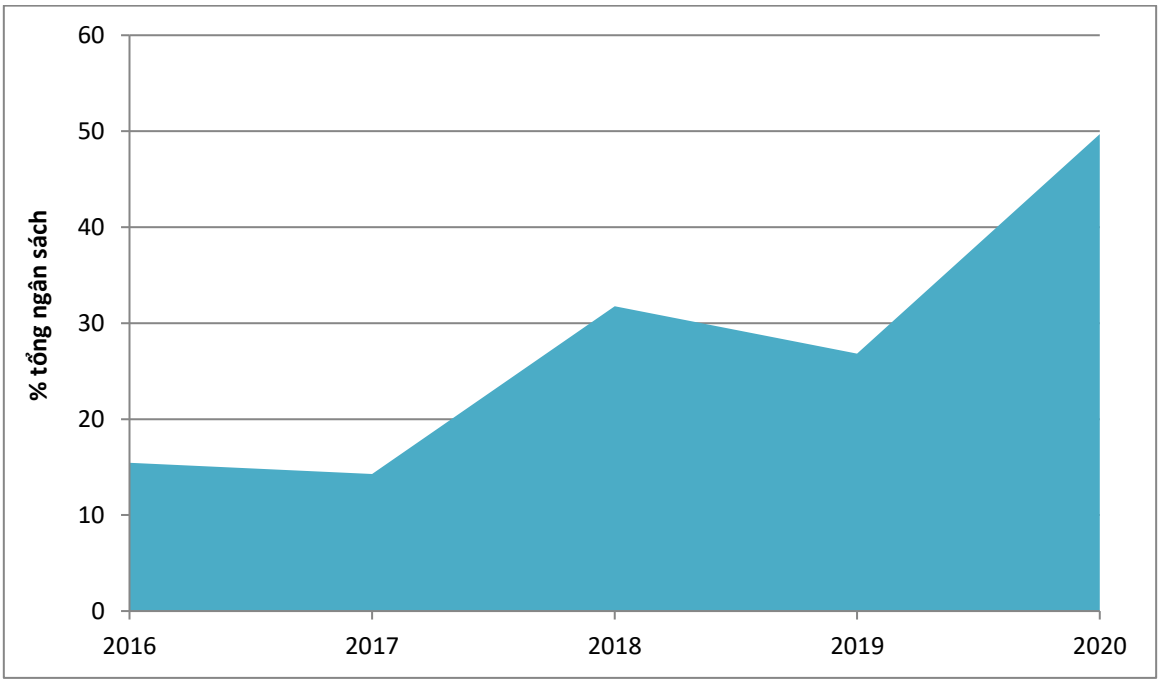

Hình 2: Tỷ lệ chi ngân sách cho BĐKH trong tổng ngân sách của Bộ KH&CN giai đoạn 2016-2020 (đơn vị:%)

Trong những năm được phân tích giai đoạn 2016-2020, ngân sách khí hậu chiếm từ 14 - 50% tổng ngân sách Bộ KH&CN. Ngân sách khí hậu đã tăng đều đặn theo tỷ trọng trong tổng ngân sách của Bộ. Năm 2020, ngân sách đầu tư cho khí hậu là ngân sách chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng ngân sách đầu tư của Bộ KH&CN, chiếm 50% tổng ngân sách của Bộ.

3. Chi ngân sách cho biến đổi khí hậu, theo mục đích chi

a) Phân bổ tổng chi ngân sách cho BĐKH giữa chi cho thích ứng và giảm thiểu:

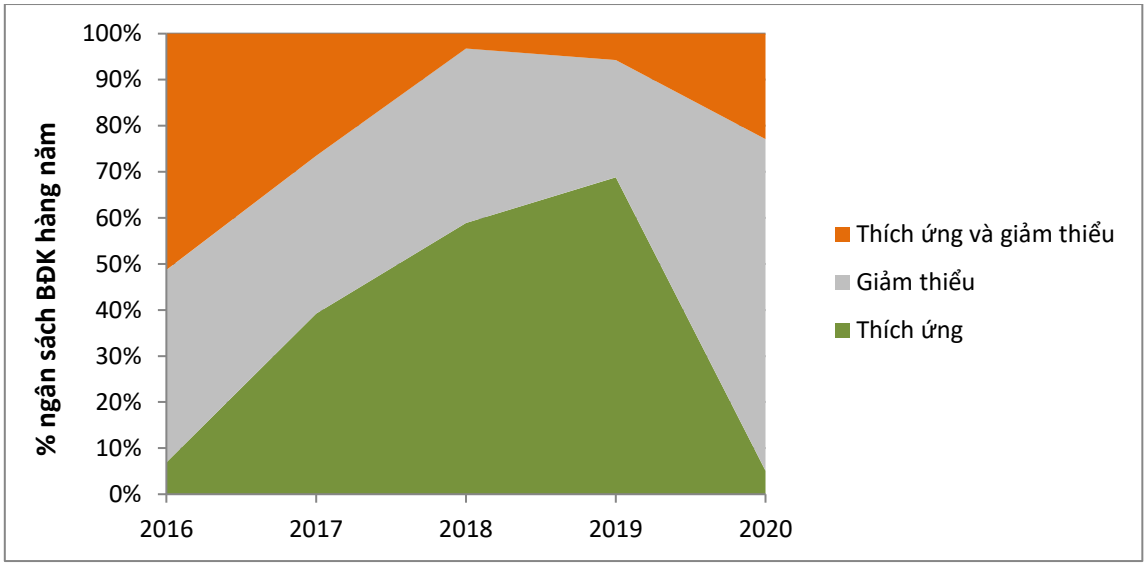

Hình 3: Tổng quan phân bổ chi tiêu công cho biến đổi khí hậu (theo hạng mục: thích ứng; giảm nhẹ; thích ứng và giảm nhẹ)

- Tổng ngân sách dành cho biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020 chủ yếu tập trung vào giảm nhẹ. Giảm thiểu chiếm 72% ngân sách khí hậu vào năm 2020 và sau đó là 26-42% cho những năm còn lại.
- Thích ứng chiếm 59% ngân sách khí hậu vào năm 2018, 69% vào năm 2019, 39% vào năm 2017 và 5-7% cho những năm còn lại.
- Trong hầu hết các năm được phân tích, ngân sách Thích ứng & Giảm nhẹ cho biến đổi khí hậu chiếm từ 22 đến 51%.

Bảng 3: Chi tiêu cho BĐKH, phân theo các mục đích Thích ứng, Giảm thiểu và Kết hợp

	Thích ứng		**Giảm thiểu**		**Kết hợp**	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%
2016	3.582	6.9	21.582	41.8	26.503	51.3
2017	12.646	39.2	11.028	34.2	8.551	26.5
2018	136.852	58.9	88.015	37.9	7.383	3.2
2019	122.928	68.8	45.517	25.5	10.240	5.7
2020	4.882	5.1	69.443	72.0	22.069	22.9

4. Chi ngân sách cho biến đổi khí hậu, phân theo các nội dung chi

a) Phân bổ tổng ngân sách biến đổi khí hậu cho các trụ cột:

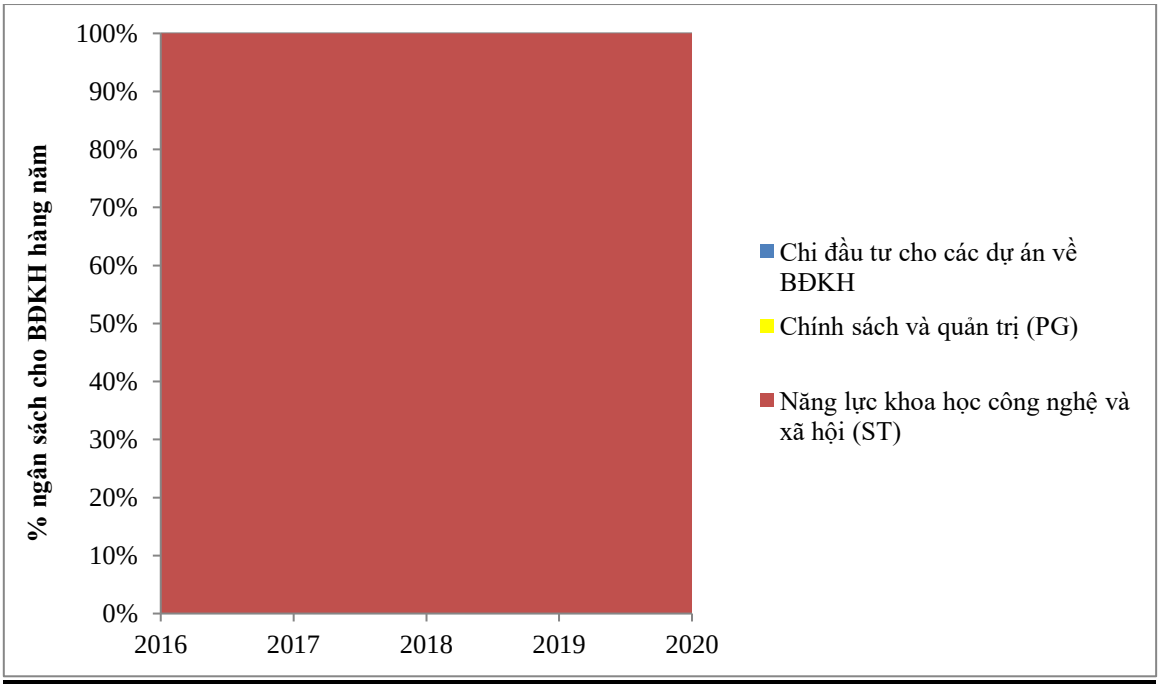

Hình 4: Phân bổ chi tiêu công cho BĐKH được nhóm thành các trụ cột: Đầu tư cho BĐKH (CCD), Khoa học, Xã hội và Công nghệ (ST) và Chính sách & Quản trị (PG)

Tổng ngân sách về biến đổi khí hậu trong cả giai đoạn chỉ dành cho ST không dành cho PG hoặc CCD.

Bảng 4: Phân loại chi tiêu theo ST, PG và CCD

	ST		PG		CCD	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%
2016	51.667	100	0	0	0	0
2017	32.226	100	0	0	0	0
2018	232.251	100	0	0	0	0
2019	178.685	100	0	0	0	0
2020	96.394	100	0	0	0	0

b) ***Phân bổ cho các nhiệm vụ chi đầu tư thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu (CCD)***

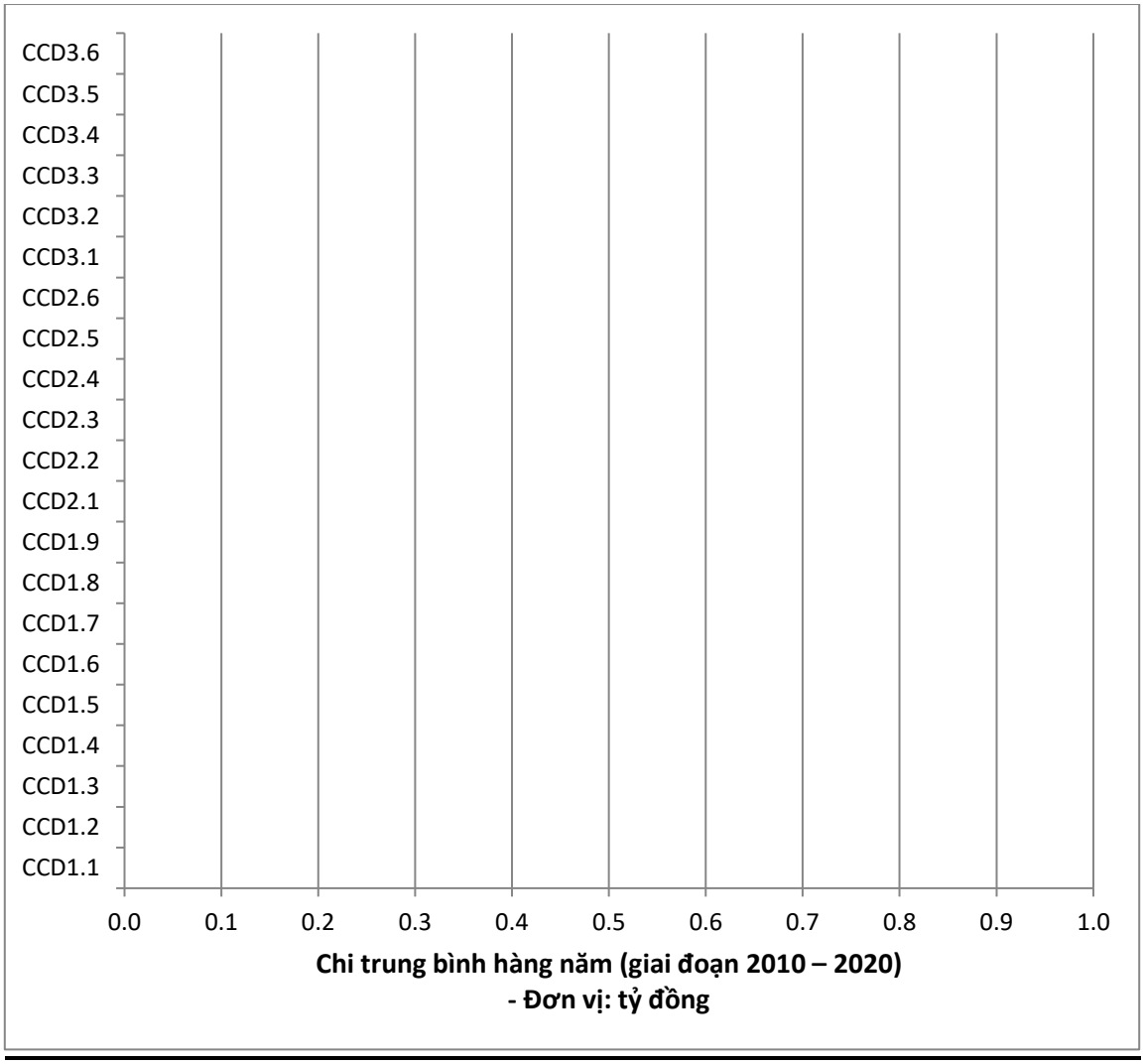

Hình 5: Phân bổ chi tiêu công về biến đổi khí hậu cho nhiệm vụ CCD

Bảng 5: Chi tiêu công cho trụ cột CCD về BĐKH

CCD1.1	0	CCD1.8	0	CCD2.6	0
CCD1.2	0	CCD1.9	0	CCD3.1	0
CCD1.3	0	CCD2.1	0	CCD3.2	0
CCD1.4	0	CCD2.2	0	CCD3.3	0
CCD1.5	0	CCD2.3	0	CCD3.4	0
CCD1.6	0	CCD2.4	0	CCD3.5	0
CCD1.7	0	CCD2.5	0	CCD3.6	0

c) ***Phân bổ cho nhiệm vụ ST và PG***

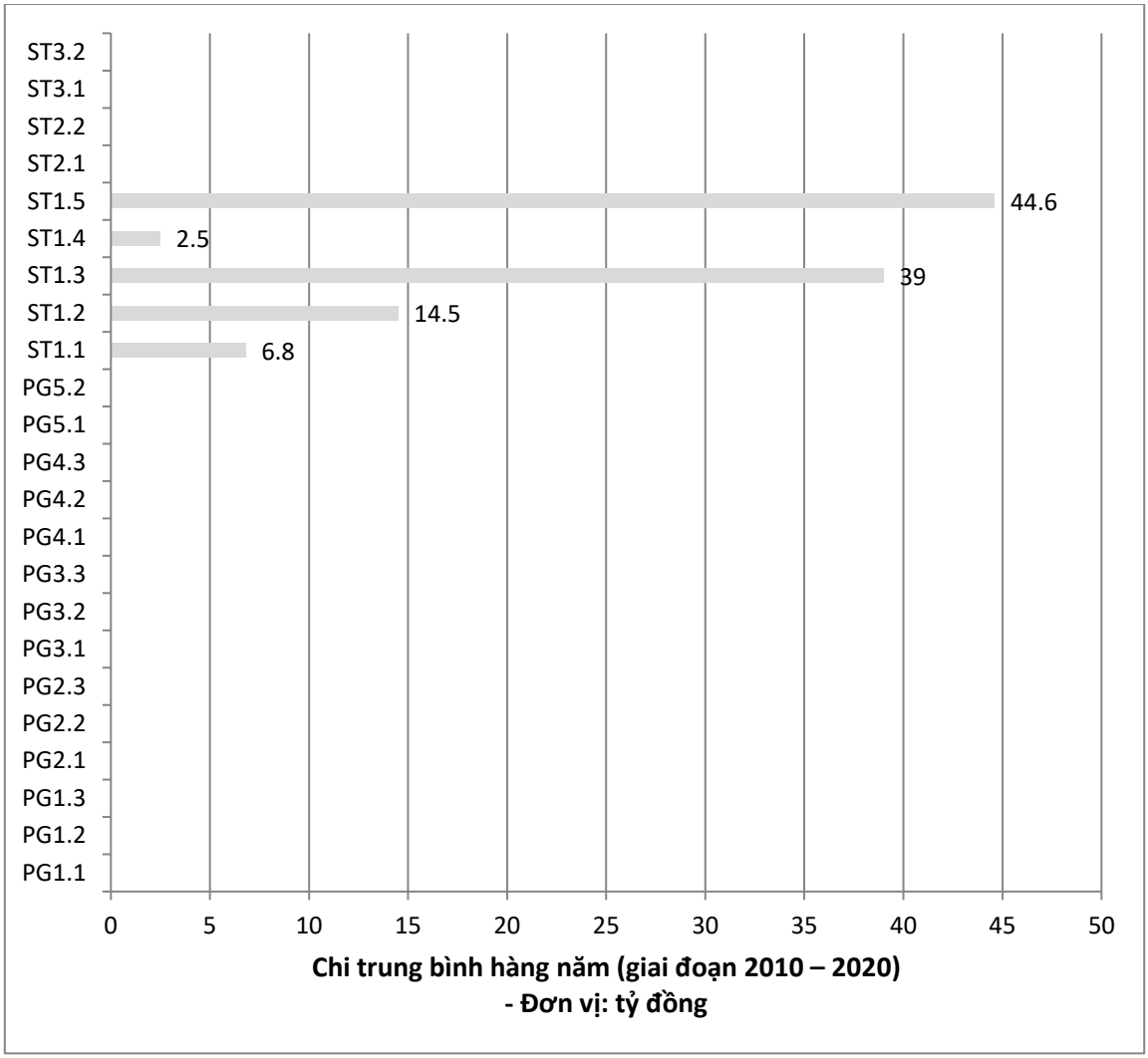

Hình 6. Phân bổ cho Khoa học, Xã hội và Công nghệ và cho các nhiệm vụ Chính sách và Quản trị (chi tiêu trung bình hàng năm tỷ đồng, 2016 - 2020):

Các mục tiêu ngân sách chính về biến đổi khí hậu cho nhiệm vụ ST giai đoạn 2016 - 2020 là Công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả và phát thải KNK thấp (ST1.5) chiếm 42%, Củng cố tài nguyên sinh vật và nguồn gen (ST1.3) chiếm 42% 36%, Cải thiện dự báo rủi ro khí tượng và thời tiết (ST1.2) chiếm 14%, Xây dựng thông tin và cơ sở dữ liệu (ST1.1) chiếm 6% và Khảo sát và đánh giá tác động của BĐKH (ST1.4) chiếm 2%.

Bảng 6: Chi tiêu công cho trụ cột ST và PG trong BĐKH

PG1.1	0		PG3.3	0		ST1.3	39.0	36.3%
PG1.2	0		PG4.1	0		ST1.4	2.5	2.3%
PG1.3	0		PG4.2	0		ST1.5	44.6	41.5%
PG2.1	0		PG4.3	0		ST2.1	0	
PG2.2	0		PG5.1	0		ST2.2	0	
PG2.3	0		PG5.2	0		ST3.1	0	
PG3.1	0		ST1.1	6.8	6.3%	ST3.2	0	
PG3.2	0		ST1.2	14.50	13.5%			

5. Chi ngân sách từ nguồn vốn ODA

Đóng góp của ODA cho tổng ngân sách biến đổi khí hậu (trung bình 2016–2020):	60.8 %
Năm phân bổ ODA lớn nhất về ngân sách khí hậu: 1. Nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế công nghệ chế tạo và ứng dụng vật liệu xúc tác dị thể và vật	

liệu nano trong lĩnh vực lọc dầu sinh học, sản xuất năng lượng mới phát triển bền vững (2017-2019, 15,2%) 2. Nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ nhân giống hỗ trợ gen (GAB) và lai hỗ trợ đánh dấu (MABC) để chọn tạo giống lúa đa yếu tố ứng phó với biến đổi khí hậu (2017-2019, 12,9%) 3. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc và mô phỏng / dự báo khí tượng thủy văn - môi trường biển và vùng ven biển độ phân giải cao nhằm khai thác bền vững tài nguyên biển và giảm thiểu rủi ro thiên tai (2017-2019, 9,8%) 4. Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất, thử nghiệm và thương mại hóa sản phẩm đèn LED ứng dụng trong nông nghiệp nhân tạo nông nghiệp công nghệ cao tại thị trường Việt Nam (2018-2019, 7,0%) 5. Thiết lập hệ thống giám sát tăng cường và hệ thống cảnh báo, cảnh báo độ phân giải cao, ngắn, siêu ngắn cho thành phố Hà Nội phục vụ phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội (2018-2019, 5,9%)

6. Các công cụ lập kế hoạch và chính sách

Công cụ	Có (√) hoặc Không (X)
Kế hoạch hành động ứng phó BĐKH	X
Kế hoạch hành động về Tăng trưởng xanh	√
Kế hoạch thực hiện Thoả thuận Paris	√
Khác: Không có	